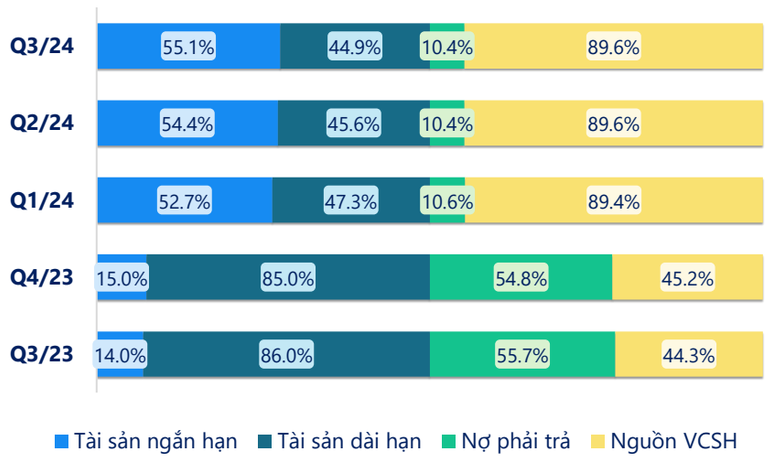
FireAnt

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,730
SL cổ phiếu LH	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,240
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
P/E	8.8
EPS	568

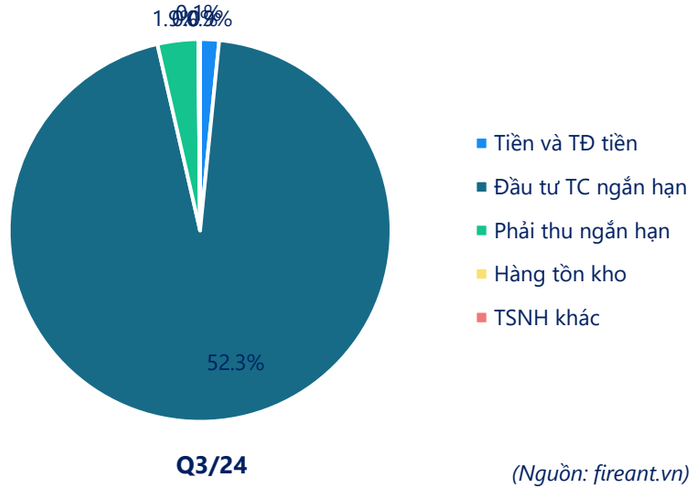
	YTD	1T	3T	6T
PTC	-16.9%	-5.7%	-9.9%	-17.1%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



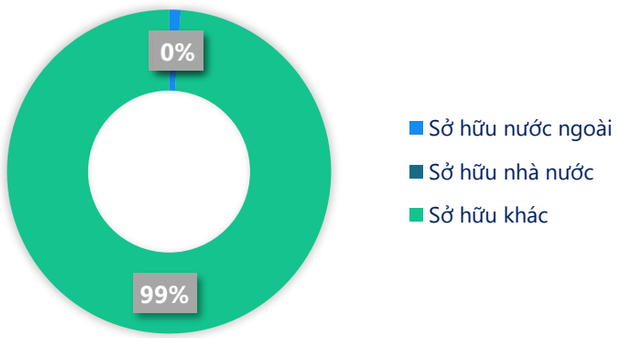
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



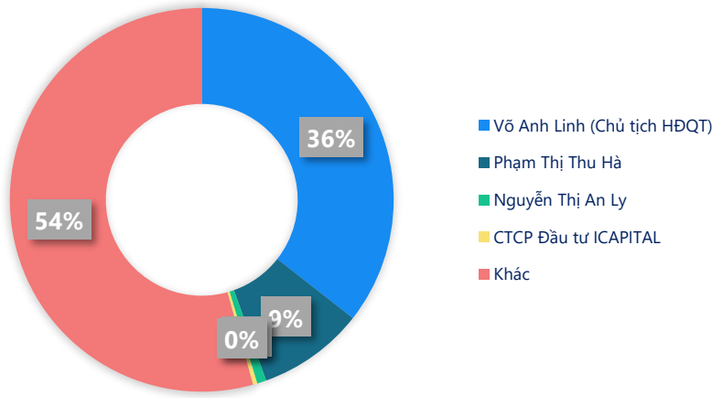
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



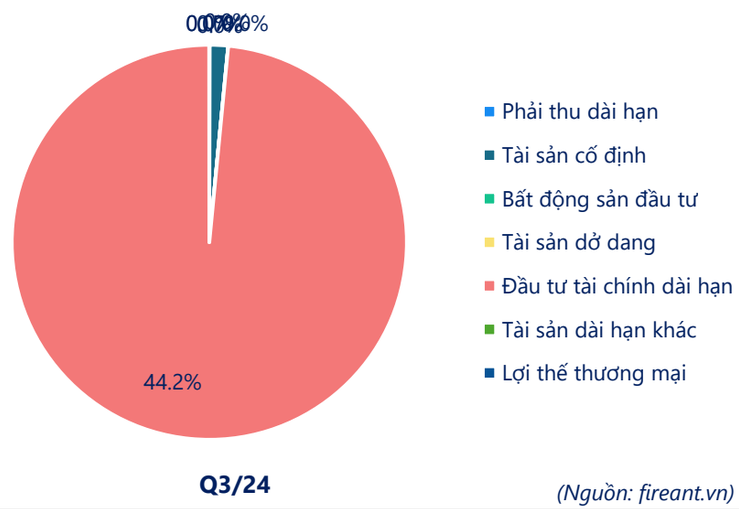
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

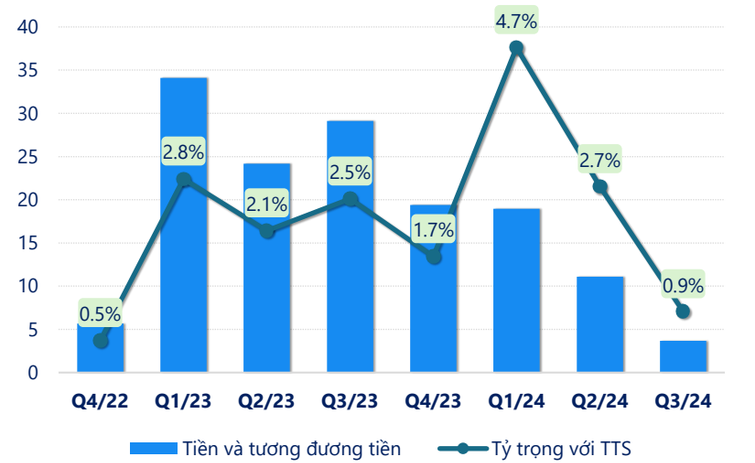


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

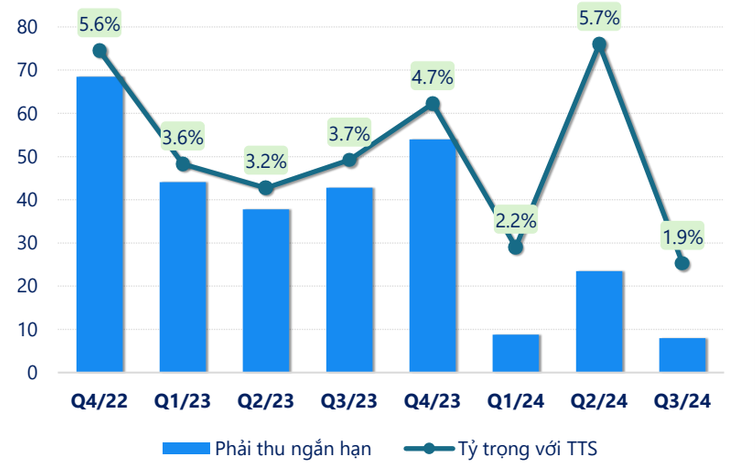
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Tiền và tương đương tiền



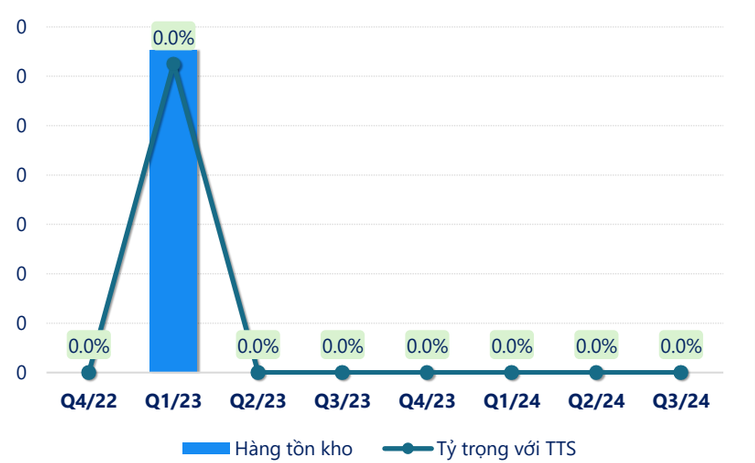
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



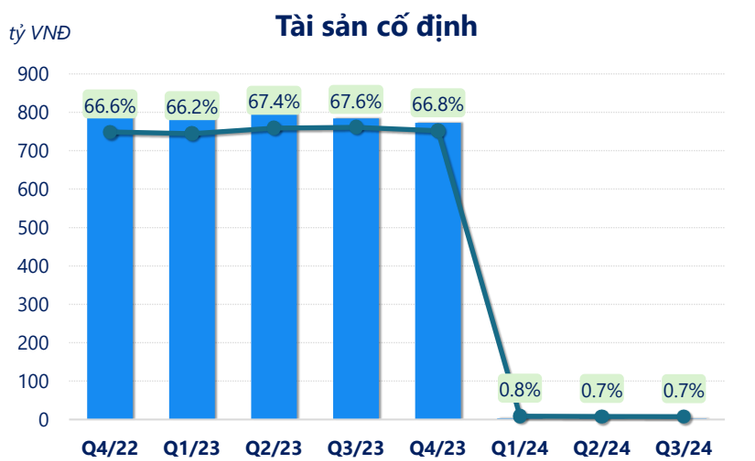
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



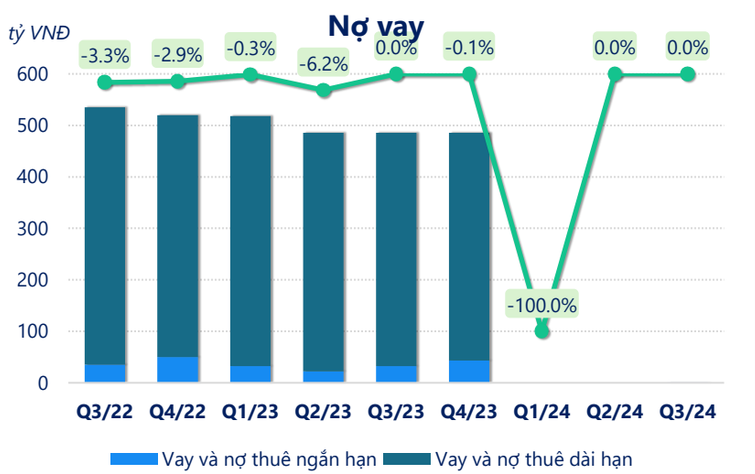
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



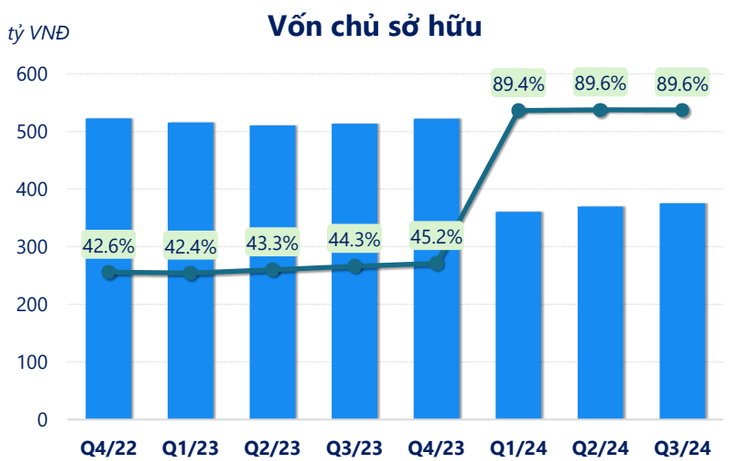
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

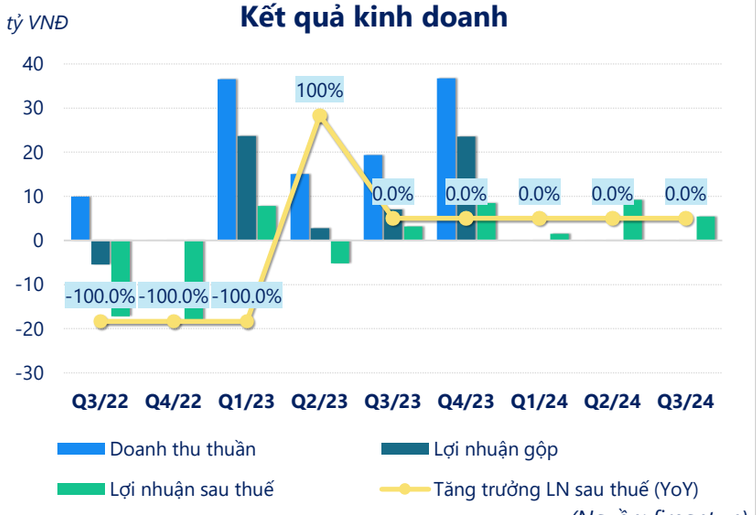


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

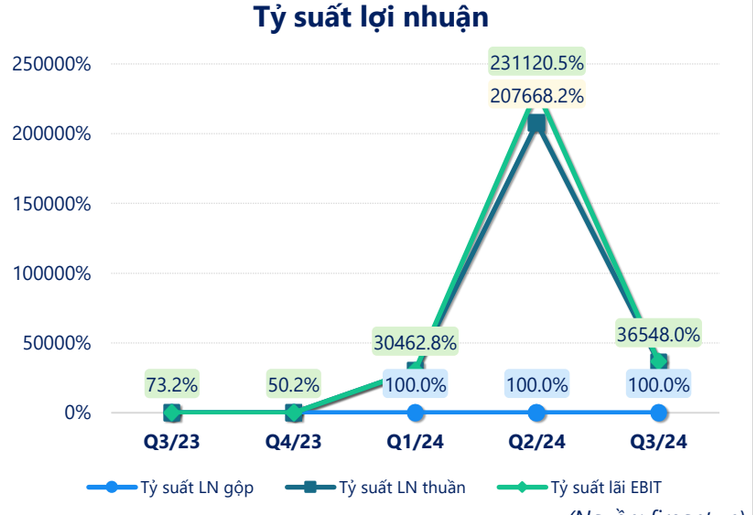
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Kết quả kinh doanh



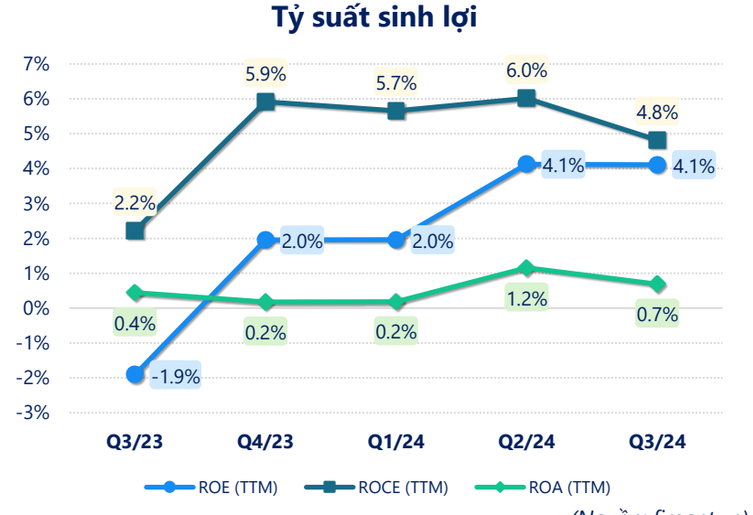
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



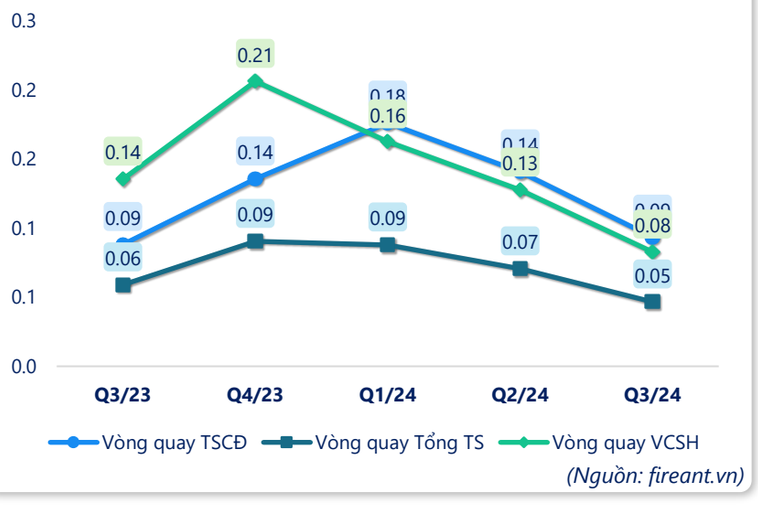
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



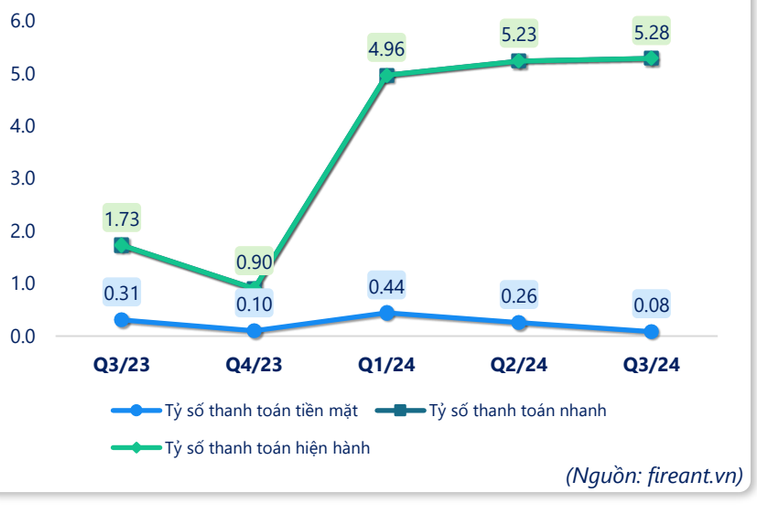
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



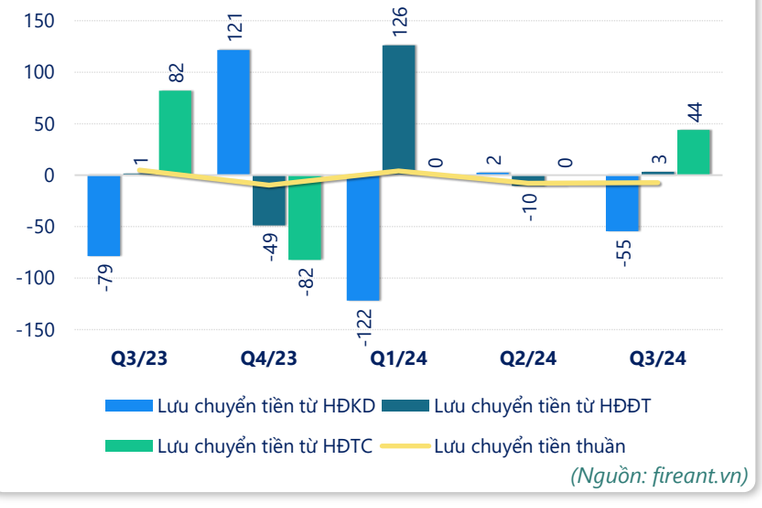
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**419**	**1,156**	**-63.8%**
Tài sản ngắn hạn	231	173	33.2%
Tiền và tương đương tiền	3.69	37.4	-90.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	81.5	168%
Phải thu ngắn hạn	7.94	54.0	-85.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	0.39	-13.8%
Tài sản dài hạn	**188**	**983**	**-80.9%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	5.7%
Tài sản cố định	2.82	773	-99.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	185	130	42.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-29.2%**
Lợi thế thương mại	0	80.1	-100%
Nợ phải trả	43.7	634	-93.1%
Nợ ngắn hạn	**43.7**	**192**	**-77.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.88	43.3	-98.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	124	-83.8%
Nợ dài hạn	0	442	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	442	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**375**	**522**	**-28.1%**
Vốn chủ sở hữu	**375**	**522**	**-28.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	19.4	36.7	0.01	0.00	0.02
Giá vốn hàng bán	12.3	13.2	0	0	0
Lợi nhuận gộp	7.03	23.5	0.01	0.00	0.02
Doanh thu HĐTC	6.94	1.83	1.42	13.5	7.39
Chi phí TC	8.97	11.6	-0.81	4.11	0.63
Chi phí lãi vay	11.0	9.99	0	0.01	0.03
LN trong công ty LKLD	2.21	-0.25	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.86	4.54	0.72	1.12	1.31
LN thuần từ HĐKD	3.34	9.01	1.52	8.27	5.46
Lợi nhuận khác	-0.19	-0.54	0	0.92	-0.01
LN trước thuế	3.15	8.47	1.52	9.19	5.45
Lợi nhuận sau thuế	3.15	8.47	1.52	9.19	5.45
LNST của CĐ cty mẹ	5.32	2.11	1.52	9.19	5.45

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-78.6	121	-122	2.46	-54.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.47	-48.7	126	-10.3	3.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	82.1	-82.5	0	0	43.8
Tiền đầu kỳ	24.2	29.1	14.7	19.0	11.1
Lưu chuyển tiền thuần	**4.93**	**-9.71**	**4.24**	**-7.87**	**-7.40**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.1	19.4	19.0	11.1	3.69

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic